**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (“QUỸ”)**

**1.1 Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm **9.5** (%) so với kỳ báo cáo (31/03/2020); thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là **+22.3 (%).**

**1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

 Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các công ty hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trái phiếu chuyển đổi cùng với các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam…), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Theo phân loại trong danh mục này, trái phiếu chuyển đổi sẽ là một phần trong danh mục chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư bao gồm khoảng 20% giá trị tài sản ròng của quỹ vào chứng khoán nợ và tiền, và khoảng 80% vào chứng khoán vốn, ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu các công ty có vốn hoá lớn và vừa có tiềm năng tăng trưởng cao. Trong một số trường hợp, khi điều kiện vĩ mô và tình hình thị trường thay đổi, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% giá trị tài sản ròng so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

**1.4 Phân loại Quỹ**

Quỹ là quỹ công chúng dạng mở.

**1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình – cao.

**1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

 Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 20 tháng 5 năm 2004.

**1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 505,669,391,303 Đồng Việt Nam, tương ứng với 13,891,291.00 Chứng chỉ Quỹ.

**1.8 Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi chuyển đổi cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

1. **SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | 30/06/2020 | 30/06/2019 | 30/06/2018 |
| Danh mục chứng khoán  | 82.91% | 85.42% | 78.41% |
| Tài sản khác | 17.09% | 14.58% | 21.59% |
|  |   |   |   |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

**2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | 30/06/2020 | 30/06/2019 | 30/06/2018 |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 505,669,391,303 | 1,004,421,269,031 | 1,279,838,418,219 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) |  13,891,291.00  |  26,431,084.53  |  32,261,433.54  |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 36,401.90 | 38,001.51 | 39,670.84 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 39,638.40 | 41,758.80 | 49,328.49 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 30,470.51 | 35,866.30 | 31,703.40 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | -1349.20% | -204.17% | -1146.09% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | -2189.29% | -95.23% | -1124.22% |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 840.10% | -108.95% | -21.87% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.44% | 2.11% | 2.12% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 81.26% | 55.65% | 111.09% |

**2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQhàng năm (%)** |
| 1 năm | -4.21 | -4.21 |
| 3 năm | 11.06 | 3.56 |
| Từ khi thành lập | 264.02 | 8.35 |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | 06/30/2020 | 06/30/2019 | 06/30/2018 |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | -4.21% | -4.21% | 21.04% |

1. **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

Tháng 6 vừa kết thúc, tiếp tục chịu ảnh hưởng từ dịch Virus Corona còn hoành hành trên khắp thế giới, lo ngại làn sóng dịch quay trở lại, điều này đã ảnh hưởng đến đà hồi phục của thị trường. Nối tiếp đà phục hồi của tháng 5, Thị trường đầu tháng 6 tiếp tục tăng điểm dần tiến về vùng kháng cự 900 điểm, nhưng hành động bán ra để bảo vệ thành quả sau chuỗi tăng mạnh trong tháng 5 khiến VN-Index quay đầu giảm sâu, tâm lý lo ngại thị trường sẽ bị ảnh hưởng bới làn sóng dịch bệnh quay lại đã tạo tâm lý thận trong cho các quyết định của Nhà đầu tư. Suốt nửa thời gian sau đó của tháng thị trường chủ yếu dao động theo chiều hướng đi ngang trong vùng 840 đến 870 điểm.

Kết thúc tháng 6, VN-Index đóng cửa tại 825,11 điểm, giảm 39,63 điếm tương đương giảm 4,55% so với tháng trước đó. Khối lượng giao dịch đạt 9,55 tỷ cồ phiếu tăng 59,43% và giá trị giao dịch đạt 146,66 ngàn tỷ đồng tăng 31,32% so với tháng 5.

Những điểm chinh của thị trường trong tháng 6:

i) Thanh khoản thị trường tiếp tục tăng, tạo nền tảng vững chắc cho thị trường trong giai đoạn tích lũy đế hướng VN-Index đến vùng điểm cao hơn trong 6 tháng cuối năm.

ii) Nước ngoải quay lại mua ròng, nhưng chủ yếu đền từ giao dịch mua bán thỏa thuận của VHM. Nếu loại giao dịch này thì khối nhà đầu tư Nước ngoài bán ròng trong tháng 6.

iii) Thị trường sau khi tiếp cận không thành công vùng kháng cự 900 đã quay trở lại vận động đi ngang tích lũy trong vùng điếm 850-870. Đây là giai đoạn tích lũy tạo cần thiết xây chắc nền giá để hướng đến vúng điểm cao hơn trong 6 tháng cuối năm.

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

1. **CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
|  |  |  |  |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 840.10% | -165.71% | NA |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | -2189.29% | 921.09% | NA |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | -1349.20% | 755.37% | NA |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | -4.21% | 3.56% | 8.35% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | -1599.62 | 3625.73 | 26401.9 |
|  |   |   |   |

 

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | 30/06/2020 | 30/06/2019 | **Tỷ lệ thay đổi** |
|  | **(1)** | **(2)** | **(3)=((1)-(2))/(2)** |
|  |  |  |  |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 505,669,391,303 | 1,004,421,269,031 | -49.66% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ |  36,401.90  |  38,001.51  | -4.21% |
|  |   |   |   |

Trong giai đoạn 31/03/2019 – 30/06/2020, quỹ VFMVF1 có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng 22.3%. Tổng giá trị tài sản ròng giảm 9.5% trong cùng giai đoạn do có sự rút vốn từ phía nhà đầu tư.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ** **(Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
|  |  |  |  |
| Dưới 5.000 | 2,931 | 2,226,720 | 16.03% |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 103 | 682,637.51 | 4.91% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 89 | 1,738,736.30 | 12.52% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 19 | 2,438,595.00 | 17.55% |
| Trên 500.000 | 2 | 6,804,602.65 | 48.98% |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | 3,144 | 13,891,291.00 | 100.00% |

**4.3 Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ VF1, Công ty qui định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ VF1 với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

1. **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Kinh tế Việt nam đã có mức tăng trưởng 0,36% trong qúy 2 và 1,81% trong 6 tháng đầu năm 2020. Đây là kết quả tăng trưởng rất khả quan trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch Covid-19 và giãn cách xã hội đã được áp dụng trong tháng 4/2020. Tăng trưởng GDP đạt được do sự đóng góp chủ yếu của khu vực nông nghiệp (6 tháng: +1.38%) và nhóm ngành sản xuất và xây dựng (6 tháng: +1,72%) trong khi nhóm ngành dịch vụ có tăng trưởng âm 1,76% trong cùng kỳ. Bên cạnh đó, các yếu tố kinh tế vĩ mô khác vẫn cho thấy sự ổn định việc phục hồi kinh tế. Các chỉ số lạm phát, tỷ giá VND-USD, lãi suất huy động tiền gửi và cho vay tiếp tục có sự ổn định nhờ các chính sách điều chỉnh kịp thời của Chính phủ. Hoạt động thu hút/giải ngân FDI tiếp tục được duy trì, tuy có giảm nhẹ so với năm 2019 (giải ngân FDI đạt 8,65 tỷ USD, giảm 5% so với 6 tháng 2019). Thăng dự thương mại sau 6 tháng đạt 4,55 tỷ USD trong bối cảnh giá trị xuất khẩu giảm 2% so với cùng kỳ 2019 và nhập khẩu tăng 5,3%. Sự ổn định kinh tế vĩ mô sẽ tiếp tục được duy trì trong nửa sau năm 2020, các tiền đề hiện có giúp ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì. Sau thời điểm 30/6/2020, Chính phủ đã đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2020 ở mức 4%.

**6 THÔNG TIN KHÁC**

 **Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ năm 2010 đến nay.
* Ông Trần Lê Minh, Thạc sỹ Quản Trị Tài chính. Ông hiện là Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ 2011 đến nay.

 **Ban Đại diện Quỹ gồm có:**

* Ông Lưu Đức Khánh, Chủ tịch, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế. Ông hiện là Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng HDBank từ năm 2009 đến nay đồng thời là Giám đốc điều hành Công ty cổ phần hàng không Vietjet từ năm 2011 đến nay.
* Ông Đặng Thái Nguyên, Thành viên, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế. Ông từng là Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa từ năm 2003 đến năm 2006 và hiện là Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt từ năm 2006 đến nay.
* Bà Lê Thị Thu Hương, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán. Bà từng là Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS từ năm 2011 đến năm 2012 và hiện là Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín từ năm 2012 đến nay.
* Bà Phạm Thị Thanh Thúy, Thành viên, Luật sư. Bà hiện là Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam.

**Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ gồm có:**

* Ông Trần Thanh Tân, Tổng Giám đốc, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Ông hiện là Tổng giám đốc từ năm 2003 đến nay.
* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu , Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2010 đến nay.
* Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh, Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính, Thạc sỹ Tài chính – kinh tế. Ông hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2011 đến nay.
* Ông Trần Lê Minh, Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội, Thạc sỹ Quản trị Tài chính. Ông hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2011 đến nay.

|  |  |
| --- | --- |
| Tp.HCM, ngày 16 tháng 07 năm 2020**Tổng Giám đốc****TRẦN THANH TÂN** |  |